**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI MÔN ĐỊA ( NH: 2021-2022)**

**I/ lý thuyết: ( 7đ)**

**BÀI 35: VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ**

**I. Cơ cấu, vai trò của các ngành dịch vụ**

\*Khái niệm dịch vụ: Là hoạt động kinh tế - xã hội, có tạo ra giá trị mà không nằm trong lĩnh vực nông – lâm - ngư nghiệp; công nghiệp - xây dựng cơ bản, phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

1. Cơ cấu

- Dịch vụ kinh doanh (sx): giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính, tín dụng, kinh doanh bất động sản, tư vấn, các dịch vụ nghề nghiệp,...

- Dịch vụ tiêu dùng: Thương mại, sửa chữa, khách sạn, du lịch, dịch vụ cá nhân (y tế,giáo dục, thể thao), cộng đồng.

- Dịch vụ công: Khoa học công nghệ, quản lí nhà nước, hoạt động đoàn thể (bảo hiểm bắt buộc).

2. Vai trò

- Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác,giao lưu quốc tế.

- Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

- Sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.

- Khai thác tốt các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và các thành tựu của khoa học kĩ thuật hiện đại phục vụ con người.

3. Đặc điểm và xu hướng phát triển

Trên thế giới hiện nay, số lao động trong ngành dịch vụ tăng lên nhanh chóng

- Các nước phát triển: Khoảng 80% (50 - 79%) Hoa Kì 80%; Tây Âu 50 - 79%.

- Các nước đang phát triển khoảng 30%: Việt Nam: 23,2% (năm 2003); 24,5% (năm 2005).

**II. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ**

- Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội: Đầu tư, bổ sung lao động dịch vụ.

Ví dụ: Kinh tế phát triển,nhiều máy móc(máy cày) người nông dân làm việc ít(nông nghiệp ít lao động), phát triển ngành dịch vụ.

- Quy mô,cơ cấu dân số: Nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

Ví dụ: Việt Nam dân số đông, cơ cấu trẻ, tuổi đi học cao thì dịch vụ giáo dục ưu tiên phát triển.

- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư: Mạng lưới dịch vụ

Ví dụ: Dân cư đông, mạng lưới dịch vụ dày, dân cư phân tán, khó khăn cho ngành dịch vụ.

Cụ thể dễ dàng quyết định thành lập một trường cấp I cho một làng 4 đến 5 nghìn dân, khó lập một trường cho một bản có 4 đến 5 trăm dân.

- Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán: Hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.

Ví dụ: Việt Nam có tập quán thăm hỏi lẫn nhau vào các ngày lễ tết, thì dịch vụ giao thông vận tải, mua bán tăng cường.

- Mức sống và thu nhập thực tế: Sức mua và nhu cầu dịch vụ. Ví dụ mức sống cao thì sức mua tăng...

- Tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử, cơ sở hạ tầng du lịch: Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch.

Ví dụ: Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế,... => ngành dịch vụ du lịch phát triển và các ngành dịch vụ khác cũng phát triển.

**BÀI 36: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**I. Vai trò và đặc điểm ngành giao thông vận tải**

1. Vai trò

- Giúp cho quá trình sản xuất xã hội diễn ra liên tục, bình thường.

- Đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Nhân tố quan trọng phân bố sản xuất và dân cư.

- Thúc đẩy hoạt động kinh tế - văn hóa ở các vùng núi xa xôi.

- Củng cố tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

- Thực hiện mối giao lưu kinh tế – xã hội giữa các vùng, các nước trên thế giới.

2. Đặc điểm

- Sản phẩm: là sự chuyên chở người và hàng hóa.

- Các tiêu chí đánh giá (đơn vị):

+ Khối lượng vận chuyển (số hành khách,số tấn hàng hoá).

+ Khối lượng luân chuyển (người.km; tấn.km).

+ Cự li vận chuyển trung bình (km).

- Công thức tính:

Khối lượng luân chuyển

+ Khối lượng vận chuyển = ------------------------------------

Cự li vận chuyển

+ Khối lượng luân chuyển = Khối lượng vận chuyển × Cự li vận chuyển.

Khối lượng luân chuyển

+ Cự li vận chuyển = --------------------------------------

Khối lượng vận chuyển

**II. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải**

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lí: quy định sự có mặt, vai trò của một số loại hình giao thông vận tải.

Ví dụ: + Vùng hoang mạc: Lạc đà, trực thăng;

+ Vùng băng giá xe trượt tuyết do chó và tuần lộc kéo.

- Địa hình ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

Ví dụ: Địa hình đồi núi phải đầu tư nhiều để xây dựng các công trình: Chống lở đất,làm đường vòng, đường hầm...

- Khí hậu, thời tiết ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của phương tiện vận tải.

Ví dụ: Các sân bay nhiều khi phải ngừng hoạt động do sương mù.

- Sông ngòi: ảnh hưởng vận tải đường sông,chi phí cầu đường.

Vd:nạo vét lòng sông

- Khoáng sản: ảnh hưởng hướng vận tải, loại hình vận tải.

2. Các điều kiện kinh tế-xã hội

- Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển, phân bố, hoạt động của giao thông vận tải

+ Hoạt động của các ngành kinh tế là khách hàng của ngành giao thông vận tải.

Ví dụ: Kinh tế phát triển nhu cầu vận tải lớn thúc đẩy ngành phát triển.

+ Trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật cho sự phát triển, phân bố, hoạt động ngành giao thông vận tải.

+ Quan hệ giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ quy định hướng và cường độ các luồng vận chuyển.

- Phân bố dân cư (đặc biệt là sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị) ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách (vận tải bằng ô tô).

**BÀI 37: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**I. Đường sắt**

. Đặc điểm

- Ưu điểm:

+ Chở được hàng nặng, đi xa.

+ Tốc độ nhanh,ổn định, giá rẻ.

- Nhược điểm:

+ Tính cơ động thấp,khả năng vượt dốc nhỏ, đầu tư lớn.

**II. Đường ô tô**

Đặc điểm

- Ưu điểm:

+ Tiện lợi, cơ động, thích nghi cao với các điều kiện địa hình.

+ Hiệu quả kinh tế cao trên các cự li vận chuyển ngắn và trung bình.

+ Phối hợp được với các phương tiện vận tải khác.

- Nhược điểm:

+ Gây ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông, tai nạn giao thông, chi dùng nhiều nguyên, nhiên liệu,...

**III. Đường ống**

1. Đặc điểm

- Ưu điểm: Vận chuyển được dầu khí,chất lỏng,tương đối ổn định, tiệc kiệm, giá rẻ.

- Nhược điểm: Công tác bảo vệ khó khăn,chi phí xây dựng cao.

2. Tình hình phát triển

- đây Ngành trẻ, chiều dài vân chuyển ngày càng tăng liên tục

**IV. Đường sông, hồ**

1. Đặc điểm

- Ưu điểm: Vận chuyển được hàng nặng, cồng kềnh, giá rẻ.

- Nhược điểm: Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, tốc độ chậm.

2. Tình hình phát triển

- Nhiều sông ngòi được cải tạo, đào nhiều kênh nối các hệ thống sông với nhau, phương tiện được cải tiến,tốc độ tăng.

**V. Đường biển**

1. Đặc điểm

- Ưu điểm: Đảm nhận phần lớn khối lượng hàng hóa quốc tế, khối lượng luân chuyển rất lớn, giá rẻ.

- Nhược điểm: Ô nhiễm môi trường biển,chi phí xây dựng cảng nhiều.

2. Tình hình phát triển

- Phương tiện được cải tiến,phát triển và cải tạo cảng biển, xây dựng các kênh biển.

- Các đội tàu buôn không ngừng tăng.

**VI. Đường hàng không**

1. Đặc điểm

- Ưu điểm: Vận tốc nhanh, không phụ thuộc vào địa hình.

- Nhược điểm: khối lượng vận chuyển nhỏ,vốn đầu tư lớn, cước phí cao, ô nhiễm môi trường.

2. Tình hình phát triển: Trên thế giới có khoảng 5000 sân bay đang hoạt động, khối lượng vận chuyển ngày càng lớn, tốc độ tăng.

**II/ BÀI TẬP**

**Bài 1: câu 4 SGK trang 137?**

- Tính doanh thu cho 1 lượt khách ?

- Vẽ biểu đồ cột thể hiện lượng khách du lịch và doanh thu du lịch của các nước?

**Bài 2: câu 4 SGK trang 141?**

- Tính cự li vận chuyển trung bình về hàng hóa của một số loại phương tiện giao thông ?

- Vễ biểu đồ cột thể hiện khối lượng hàng hóa vận chuyển của các loại hình GT?

**Bài 3: câu 3 SGK trang 158 (157)?**

- Tính giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu ngừơi ?

- Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu ngừơi?